

Số: 19/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Trên cơ sở Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 2585/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022, số tiền 48.965.678.333 đồng (Bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng) (đính kèm Phụ lục I, II, III).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tài chính, KH&ĐT, Cục thuế, KBNN, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**



Phụ lục I

**BỔ SUNG DỰ TOÁN VÀ BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU NĂM 2022 ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN PHÁT SINH NGOÀI DỰ TOÁN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ -HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn bổ sung
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>48.965.678.333</b>	
<b>I</b>	<b>SỞ, BAN NGÀNH TỈNH:</b>	<b>48.758.358.138</b>	
1	Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh	25.878.732.138	
	Kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	25.878.732.138	Tồn quỹ ngân sách tỉnh năm 2021
2	Sở Nội vụ	231.000.000	
	- Ban Thi đua- Khen thưởng	231.000.000	
	Kinh phí phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh Hùng"	231.000.000	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.615.676.000	
	Kinh phí phòng, trừ sâu đầu đen gây hại trên cây dứa	164.178.000	Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2022
	Kinh phí khắc phục sụp lún mái kè bảo vệ đoạn xung yếu xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải	2.451.498.000	Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2022
4	Trường Chính trị	324.000.000	
	Kinh phí lớp cao cấp lý luận chính trị	324.000.000	Tồn quỹ ngân sách tỉnh năm 2021
5	Thanh tra tỉnh	11.760.000	
	Kinh phí hỗ trợ học phí cho công chức dự học lớp cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực 4	11.760.000	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
6	Sở Tài chính	108.760.000	
	Kinh phí hỗ trợ học phí cho công chức dự học lớp cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực 4	11.760.000	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
	Trả nợ gốc dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Trà Vinh	97.000.000	Nguồn trả nợ lãi 2022
7	Sở Khoa học và Công nghệ	11.760.000	
	Kinh phí hỗ trợ học phí cho công chức dự học lớp cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực 4	11.760.000	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
8	Hội Nông dân	11.760.000	
	Kinh phí hỗ trợ học phí cho công chức dự học lớp cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực 4	11.760.000	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
9	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	19.200.000.000	
	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội và Chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí	19.200.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Công văn số 5336/BTC-NSNN ngày 07/6/2022 của Bộ Tài chính
10	Sở Xây dựng	364.910.000	
	Kinh phí thuê quản lý, vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	89.529.000	Tồn quỹ ngân sách tỉnh năm 2021
	Kinh phí thuê tư vấn tổ chức bán đấu giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và thuê tư vấn khảo sát đo đạc, vẽ hiện trạng nhà ở củ thuộc sở hữu nhà nước	275.381.000	Tồn quỹ ngân sách tỉnh năm 2021
<b>II</b>	<b>CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (Phụ lục II)</b>	<b>207.320.195</b>	
1	Thành phố Trà Vinh	11.760.000	
2	Huyện Cầu Ngang	11.760.000	
3	Huyện Duyên Hải	66.173.195	
4	Thị xã Duyên Hải	11.760.000	
5	Huyện Trà Cú	11.760.000	
6	Huyện Tiểu Cần	94.107.000	

KW